

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02/3/2023.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Huỳnh Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HN, ngày 14/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiên Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp N, xã B Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Thạch P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Kiên Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2007 tại UBND xã B, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh P có quen nhau khoảng 01 năm, rồi đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Sau ngày cưới, chị về làm dâu bên chồng khoảng 04 tháng rồi cùng anh P đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, chị làm nghề mua bán (*bán cà phê, bán cơm*) còn anh P làm nghề hồ, vợ chồng sống trọ tại dự án do cha chị làm việc. Sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp và

tình cảm, anh P thường xuyên có hành vi bạo hành gia đình, đánh đập chị, bất đồng về chi tiêu tiền bạc, gây gỗ cãi vã với nhau, anh P nhậu rượu thường xuyên, kiếm chuyện đập phá đồ đạc trong nhà nên không thể nào sống được, sự việc kéo dài đến năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay gần 04 năm, không quan tâm đến nhau, mọi sinh hoạt cuộc sống hàng ngày của vợ chồng đã chấm dứt, mạnh ai nấy sống, khi sự việc xảy ra cha mẹ hai bên hay, biết nhưng không có ý kiến gì. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thạch P.

- *Về con chung*: Chị và anh P chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả*: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn anh Thạch P vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh P, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị T nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Thạch P là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, anh P vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T khởi kiện anh P yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh P, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2007 tại UBND xã B, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị Thư khai: Sau ngày cưới, chị về làm dâu bên chồng khoảng 04 tháng rồi cùng anh P đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, chị làm nghề mua bán (*bán cà phê, bán cơm*) còn anh P làm nghề hồ, vợ chồng sống trọ tại dự án do cha chị làm việc. Sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, anh P thường xuyên có hành vi bạo hành gia đình, đánh đập chị, bắt đồng về chi tiêu tiền bạc, gây gỗ cãi vã với nhau, anh P nhậu rượu thường xuyên, kiếm chuyện đập phá đồ đạc trong nhà nên không thể nào sống được, sự việc kéo dài đến năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay gần 04 năm, không quan tâm đến nhau, mọi sinh hoạt cuộc sống hàng ngày của vợ chồng đã chấm dứt, mạnh ai nấy sống, khi sự việc xảy ra cha mẹ hai bên hay, biết nhưng không có ý kiến gì. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thạch P.

Đối với anh Thạch P, Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh P đều vắng mặt không lý do và anh cũng không gửi ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân mà chị T khởi kiện, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần nhất anh P tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P xảy ra từ năm 2019 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân nhau gần 04 năm, chị T xác định tình cảm không còn và cương quyết xin ly hôn không chung sống với anh P, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh P là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con*: Chị T và anh P chung sống không có sinh con.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Kiên Thị T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiên Thị T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Kiên Thị T được ly hôn với anh Thạch P.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Kiên Thị T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013169, ngày 28/11/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Kiên Thị T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Kiên Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Thạch P vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã B, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm